

Số: 14/2025/QĐST-DS

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự đã thật sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 10/2025/TLST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh Á, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh H2.

Địa chỉ: Khối T, phường H, tỉnh Nghệ An.

Người được ông Đặng Minh Á ủy quyền lại: Ông Phạm Đức H, Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng, Ngân hàng N, chi nhánh H2.

Địa chỉ: Khối T, phường H, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1973.

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977.

Cùng trú tại: Khối Đ, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đồng T, sinh năm 1974.

- Bà Lê Thị P, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An.

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969.

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201704122 ngày 15/11/2017. Tổng số tiền gốc và tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày 22/9/2025 là 5.204.898.356 đồng (Năm tỷ hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm chín mươi tám triệu ba trăm năm mươi sáu đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 4.274.000.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 797.286.575 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 133.611.781 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 22/9/2025, ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị H1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 3624-LAV-201704122 ngày 15/11/2017.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo tung thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông D, bà H1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng. Ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất của số tiền nợ lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ lãi này.

* Trường hợp ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp của ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị H1 gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 319 tờ bản đồ 127-79 có diện tích 382 m² tại Thôn R (Đ), xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Hiện nay tương ứng với thửa 182, tờ bản đồ số 32 tại khối Đ, phường T, tỉnh Nghệ An có diện tích 305,4m² (Lý do có sự sai lệch diện tích là do sai số trong quá trình đo đạc) đã được cấp GCNQSDĐ số CI 632833 ngày 26/4/2017 mang tên Nguyễn Hữu D và Nguyễn Thị H1 (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất số 37315 ngày 15/11/2017) và các tài sản gắn liền với đất trước và sau khi thế chấp

- 01 Tàu cá đóng theo Nghị định số 67 của Chính Phủ đăng ký số NA-96228-TS đóng theo mẫu thiết kế NgA-001-TS, kích thước: Chiều dài $L_{max,m} = 25,16$; $L_{tk,m} = 19,98$; Chiều rộng: $B_{max,m} = 7,40$; $B_{tk,m} = 7,02$; Chiều cao mạn: $D_{m=3,47}$; Chiều chìm $d_{m=1,79}$; 01 máy chính MITSUBISHI (S6R-MPTK), công suất 822 CV, nơi chế tạo Nhật Bản. Theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số NA-93986-TS do Chi cục Thủy sản N1 cấp ngày 26/12/2017 (theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 3624-NĐ67-1705/HĐTC ngày 15/11/2017).

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1049, tờ bản đồ 128-79 có diện tích 430 m² hiện nay tương ứng là thửa đất 241, tờ bản đồ số 28 có diện tích 540,8 m² tại thôn T (nay là khối T,) phường T, tỉnh Nghệ An (Lý do có sự sai lệch diện tích là do sai số trong quá trình đo đạc) đã được UBND huyện Q cấp GCNQSD đất số M 438636 ngày 20/10/1998 mang tên Nguyễn Văn T1 và Lê Thị M (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất số 37316 ngày 15/11/2017) và các tài sản gắn liền với đất trước và sau khi thế chấp.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ 127-79 có diện tích 323 m² hiện nay tương ứng là thửa 91, tờ bản đồ 30 có diện tích 393,9 m² tại Thôn T (nay là khối T), phường T, tỉnh Nghệ An (Lý do có sự sai lệch diện tích là do sai số trong quá trình đo đạc) đã được UBND thị xã H cấp GCNQSD đất số BY990281 ngày 06/5/2015 mang tên Nguyễn Đồng T và Lê Thị P (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất số 37317 ngày 15/11/2017) và các tài sản gắn liền với đất trước và sau khi thế chấp.

* Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị H1 thoả thuận chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Ngân hàng N đã nạp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị H1 phải có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho Ngân hàng.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 56.602.000đ (Năm mươi sáu triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xét đơn xin miễn giảm tiền án phí của ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị H1 hiện nay đang làm ăn thua lỗ, máy móc đóng tàu theo Nghị định 67 hiện nay đã hư hỏng hết phải đầu tư lại mới tiếp tục đi biển được, chị H1 hiện không có công ăn việc làm, thường xuyên ốm đau, bản thân anh D đi biển cũng không làm ăn được, hàng tháng anh chị phải vay mượn thêm số tiền 50.000.000đ để trả cho Ngân hàng (Có xác nhận của chính quyền địa phương). Xét điều kiện hoàn cảnh của ông D, bà H1 cần giảm cho ông D, bà H1 ½ tiền án phí đối với phần án phí mình phải chịu. Ông D, bà H1 phải chịu phần án phí thoả thuận nhận thay. Nay tổng cộng ông Nguyễn Hữu D, bà Nguyễn Thị H1 còn phải chịu 42.451.000đ (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn đồng). Kỳ phần ông D, bà H1 mỗi người phải 21.225.500đ (Hai mươi

một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) số tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N 57.400.000đ (Năm mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004323 ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Huy